

Số: 750/2020/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng

Dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Quốc Cường

2/ Ông Nguyễn Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 612/2019/TLST-KDTM ngày 26/8/2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ lữ hành” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST-KDTM ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2020/QĐST-KDTM ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D

Địa chỉ: 198-0.10 P, Phường 10, quận Gò Vấp, Tp.HCM

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ D, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 8 năm 2019)

(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Xây Dựng và Đầu Tư B

Địa chỉ: 37 Đ, Phường 09, quận Phú Nhuận, Tp. HCM.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Đăng M – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Đình L – Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D và quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị Mỹ D là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D có mã số doanh nghiệp 030913xxxx, có ngành nghề kinh doanh chủ yếu là kinh doanh lữ hành nội địa, cho thuê xe oto, vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, đại lý vé máy bay...

Vào ngày 09/01/2019, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư E (gọi tắt là Công ty E) đã ký hợp đồng số 006-HĐVC để thuê xe của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D (gọi tắt là Công ty D) để tổ chức và tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên về quê ăn Tết. Nội dung cụ thể như sau:

1. Lượt đi, ngày 26/01/2019 (tức ngày 21/12/2019 âm lịch). Đón khách tại cổng Quân đội số 3, Hoàng Hoa Thám, Phường 08, quận Tân Bình.

2. Lượt về, ngày 14/02/2019 (tức ngày 10/01/2019 âm lịch), đón khách tại Chợ Kênh 5, ấp Mông Thọ, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì:

- Tổng giá trị Hợp đồng là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng là giá bao gồm VAT 10%;

- Phương thức thanh toán: Lần 1: ngay sau khi ký hợp đồng Công ty 415 đặt cọc số tiền tương ứng 40% tổng giá trị hợp đồng, tức là 116.000.000 đồng (công ty 415 đã thanh toán số tiền này);

Lần 2: ngay sau khi nhận đủ hóa đơn VAT, Công ty E phải thanh toán 60% còn lại của tổng giá trị hợp đồng.

- Tổng giá trị hợp đồng ban đầu là 290.000.000 đồng. Tổng giá trị thanh toán thực tế là 280.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch so với giá trị khi ký hợp đồng là 10.000.000 đồng do thỏa thuận ban đầu theo hợp đồng thì lượt về đón khách từ Vinh về Kiên Giang bằng 02 xe 45 chỗ, đơn giá 60.000.000 đồng/xe, số tiền tương ứng 120.000.000 đồng, thực tế do đoạn đường trả khách ngắn hơn nên số tiền giảm bớt.

Công ty D đã hoàn tất nghĩa vụ theo hợp đồng, thực hiện xong 02 chuyến xe như các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng số 006-HĐVC, ngày 21/02/2019 Công ty D đã xuất hóa đơn VAT trên tổng số tiền 280.000.000 đồng và gửi cho Công ty E để yêu cầu thanh toán nhưng Công ty E vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Công ty D đã gửi công văn và gọi điện nhắc nợ nhiều lần nhưng Công ty E cứ hứa hẹn, khất nợ. Sau đó, Công ty E đã tổ chức mời Công ty D họp vào ngày 21/6/2019 và cam kết thanh toán số tiền nợ 164.000.000 đồng trong tuần đầu tiên của tháng 07/2019. Nhưng đến 15/7/2019 Công ty E vẫn không thực hiện việc thanh toán. Ngày 23/7/2019, Công ty D gửi công văn nhắc nợ lần thứ 3. Ngày 01/8/2019, Công ty E hẹn (qua tin nhắn) sẽ trả nợ vào ngày 05/8/2019 nhưng vẫn không thanh toán.

Ngày 06/9/2019 sau khi Công ty D nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, Công ty E đã thanh toán cho Công ty D thêm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Ngày

07/11/2019, hai bên đã cùng ký biên bản xác nhận công nợ, Công ty E cũng thừa nhận quá trình chậm thanh toán của mình, xác nhận số tiền gốc còn nợ đến thời điểm ký biên bản là 64.000.000 đồng.

Do thời gian nợ đã quá lâu gây ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty, nay Công ty D xin được tính lãi đối với khoản nợ nêu trên theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành là: 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, cụ thể như sau:

- Tính từ tháng 7/2019 đến hết tháng 8/2019 (02 tháng) khoản lãi là: $164.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 150\% \times 2 \text{ tháng} = 3.690.000 \text{ đồng};$

- Tính từ 07/9/2019 đến 06/8/2020 (10 tháng) khoản lãi là: $64.000.000 \text{ đ} \times 9\%/\text{năm} \times 150\% \times 10 \text{ tháng} = 7.200.000 \text{ đồng};$

Tổng số tiền Công ty E còn nợ Công ty D tính tới 06/8/2020 là 74.890.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn Công ty E nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh thì Công ty E vẫn còn hoạt động tại địa chỉ 37 D, Phường 09, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh và có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật. Ngày 09/10/2019, bị đơn Công ty E ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu D tới Tòa án dự buổi làm việc ngày 10/10/2019 theo Giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên đại diện ủy quyền của bị đơn không xuất trình các giấy tờ chứng minh nhân thân của mình, không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không ký nhận các văn bản do Tòa án tổng đạt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản của Tòa án đối với bị đơn theo qui định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Đặng Thị Mỹ D đại diện cho Công ty D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc, tuy nhiên thay đổi yêu cầu tính lãi của mình. Bà D chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ gốc 64.000.000 đồng trên theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, thời hạn tính lãi từ 07/9/2019 đến ngày xét xử là 1 năm 24 ngày, cụ thể:

$64.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 150\% + 64.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 150\% : 365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 8.640.000 \text{ đồng} + 568.110 \text{ đồng} = 9.208.110 \text{ đồng}$ (Làm tròn số là 9.208.000 đồng).

Tổng số tiền Công ty E thanh toán cho Công ty D tính đến ngày xét xử 30/9/2020 là: $64.000.000 \text{ đồng} + 9.208.000 \text{ đồng} = 73.208.000 \text{ đồng}.$

Yêu cầu Công ty Cổ phần E thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Bị đơn Công ty E được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được

thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ lữ hành đối với bị đơn Công ty E có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại 37 D, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được tổng đạt Quyết định xét xử và Giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ Hợp đồng số 006-HĐVC ký ngày 09/01/2019 giữa Công ty D và Công ty E thì Công ty E thuê Công ty D tổ chức 02 đoàn xe đưa đón công nhân về quê ăn tết với tổng giá trị Hợp đồng là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng. Công ty D đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, xuất hóa đơn VAT số 0003972 ngày 21/02/2019 cho Công ty E với số tiền 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng. Số tiền chênh lệch 10.000.000 (mười triệu) đồng trên hóa đơn so với Hợp đồng là do thực tế thực hiện hợp đồng, đoạn đường trả khách ngắn hơn nên số tiền giảm đi. Ngay sau khi ký Hợp đồng, Công ty E đã đặt cọc số tiền 116.000.000 (một trăm mười sáu triệu) đồng tương đương 40% giá trị hợp đồng, số tiền còn lại 164.000.000 (một trăm sáu mươi bốn triệu) đồng Công ty E phải thanh toán ngay sau khi nhận đủ hóa đơn VAT do Công ty D phát hành, tuy nhiên Công ty E đã không thực hiện.

Sau nhiều lần Công ty D đòi nợ và khởi kiện ra Tòa án, ngày 06/9/2019 Công ty E đã thanh toán thêm cho Công ty D số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, số nợ còn lại là 64.000.000 (sáu mươi bốn triệu) đồng từ đó đến nay Công ty E vẫn chưa thanh toán. Ngày 07/11/2019 hai bên đã ký biên bản xác nhận công nợ đối với số nợ gốc nêu trên. Việc chậm thanh toán nợ của Công ty E đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty D nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty D buộc bị đơn Công ty E phải thanh toán số tiền nợ gốc 64.000.000 (sáu mươi bốn triệu) đồng là đúng quy định của pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán: nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành là 9%, nhân với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tính trên số ngày chậm thanh toán. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc còn lại từ sau lần cuối cùng bị đơn thanh toán một phần số tiền nợ.

Tại Điều 1 Quyết định Số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: “Mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm”. Điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Hợp đồng số 006-HĐVC ký ngày 09/01/2019 giữa Công ty D và Công ty E không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán. Do yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn Công ty E phải thanh toán số tiền lãi tính từ ngày 07/9/2019 đến ngày 30/9/2020 (1 năm 24 ngày) là 9.208.000 đồng, cụ thể:

$64.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 150\% + 64.000.000 \text{ đồng} \times 9\% \times 150\% : 365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 8.640.000 \text{ đồng} + 568.110 \text{ đồng} = 9.208.110 \text{ đồng}.$

Làm tròn số là 9.208.000 đồng

Tổng số tiền Công ty E thanh toán cho Công ty D tính đến ngày xét xử 30/9/2020 là: $64.000.000 \text{ đồng} + 9.208.000 \text{ đồng} = 73.208.000 \text{ đồng}.$

Về thời hạn thanh toán: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2020 là 73.208.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán một khoảng thời gian dài, nên yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận có ý kiến về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận ($73.208.000 \times 5\%$) là 3.660.400 (ba triệu sáu trăm sáu mươi ngàn bốn trăm) đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D:

Buộc Công ty Cổ phần E thanh toán cho Công ty D số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 73.208.000 (*bảy mươi ba triệu hai trăm linh tám ngàn*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 64.000.000 (sáu mươi bốn triệu) đồng;

- Nợ lãi: 9.208.000 (chín triệu hai trăm linh tám ngàn) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Công ty Cổ phần E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.660.400 (ba triệu sáu trăm sáu mươi ngàn bốn trăm) đồng.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.100.000 (bốn triệu một trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AC/2017/0042117 ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ D) cho đến khi thi hành xong, Công ty E không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty E còn phải trả cho Công ty D khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014), người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỒ THỊ MINH THÚY